

Bài 30 Vấn đề phát triển nông nghiệp

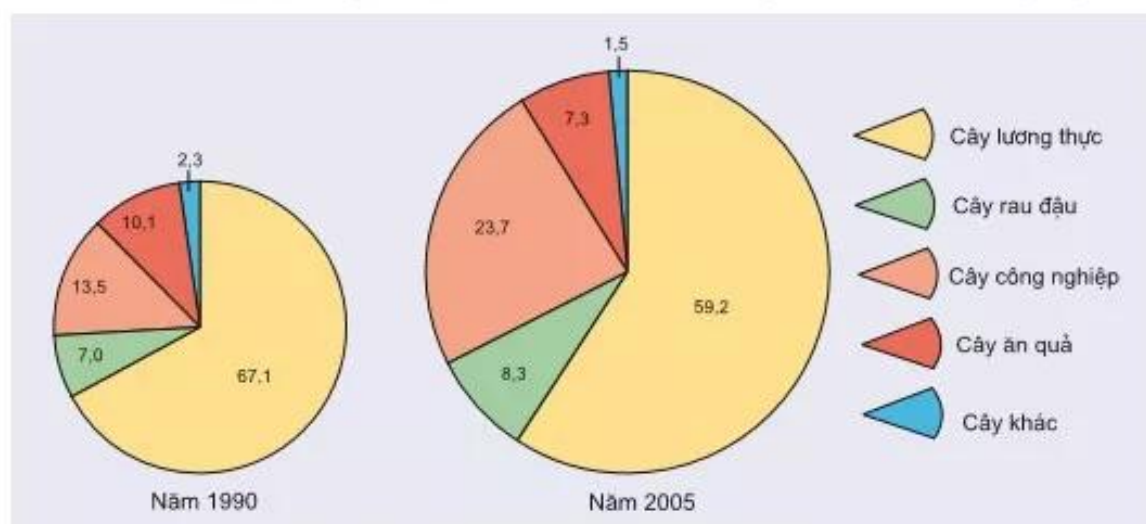
I. Ngành trồng trọt

Ngành trồng trọt hiện nay vẫn chiếm gần 75% giá trị sản xuất nông nghiệp.

Dựa vào hình 30, hãy nhận xét về cơ cấu sản xuất ngành trồng trọt và xu hướng chuyển dịch cơ cấu của ngành này.

a) Sản xuất lương thực

Ở nước ta, việc đẩy mạnh sản xuất lương thực có tầm quan trọng đặc biệt, nhằm bảo đảm lương thực cho một nước có trên 80 triệu dân, cung cấp thức ăn cho chăn nuôi và nguồn hàng cho xuất khẩu. Việc bảo đảm an ninh lương thực còn là cơ sở để đa dạng hoá sản xuất nông nghiệp.



Hình 30. Cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt (%)

Điều kiện tự nhiên, tài nguyên đất, nước, khí hậu của nước ta cho phép phát triển sản xuất lương thực phù hợp với các vùng sinh thái nông nghiệp. Tuy nhiên, thiên tai (bão lụt, hạn hán...) và sâu bệnh vẫn thường xuyên đe dọa sản xuất lương thực ; có năm thiên tai diễn ra trên diện rộng.

- Hãy xác định trên bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam (Atlas Địa lí Việt Nam) hai đồng bằng lớn của nước ta và các đồng bằng nhỏ hẹp ở Duyên hải miền Trung.
- Dựa vào kiến thức đã học, hãy kể tên một số cánh đồng trồng lúa nổi tiếng ở Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên.

Tình hình sản xuất lương thực ở nước ta trong những năm qua là :

- Diện tích gieo trồng lúa đã tăng mạnh, từ 5,6 triệu ha (năm 1980) lên 6,04 triệu ha (năm 1990), 7,5 triệu ha (năm 2002), sau đó giảm nhẹ, còn hơn 7,3 triệu ha (năm 2005).
- Cơ cấu mùa vụ có nhiều thay đổi phù hợp với điều kiện canh tác của từng địa phương.
- Năng suất lúa tăng mạnh. Hiện nay năng suất lúa đạt khoảng 49 tạ/ha/năm (năm 1980 mới đạt 21 tạ/ha/năm, năm 1990 là 31,8 tạ/ha/năm).
- Sản lượng lúa cũng tăng mạnh, từ 11,6 triệu tấn năm 1980, lên 19,2 triệu tấn năm 1990 và hiện nay đạt trên dưới 36 triệu tấn.
- Từ chỗ sản xuất không đảm bảo đủ nhu cầu trong nước, Việt Nam đã trở thành một nước xuất khẩu gạo hàng đầu trên thế giới. Hiện nay bình quân lương thực có hạt trên đầu người là hơn 470kg/năm. Lương gạo xuất khẩu ở mức 3 – 4 triệu tấn/năm.
- Các loại màu lương thực đã trở thành các cây hàng hoá.
- Đồng bằng sông Cửu Long là vùng sản xuất lương thực lớn nhất, chiếm trên 50% diện tích và trên 50% sản lượng lúa cả nước, bình quân sản lượng lương thực trên đầu người nhiều năm nay là trên 1000 kg/năm. Đồng bằng sông Hồng là vùng sản xuất lương thực lớn thứ hai và là vùng có năng suất lúa cao nhất cả nước.

b) Sản xuất cây thực phẩm

Rau đậu được trồng ở khắp các địa phương, tập trung hơn cả là ở những vùng ven các thành phố lớn : Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng... Diện tích trồng rau của cả nước là trên 500 nghìn ha, nhiều nhất là ở Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long. Diện tích đậu các loại là trên 200 nghìn ha, nhiều nhất là ở Đông Nam Bộ và Tây Nguyên.

c) Sản xuất cây công nghiệp và cây ăn quả

Nước ta có nhiều điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp : khí hậu nhiệt đới nóng ẩm, lại có nhiều loại đất thích hợp với nhiều loại cây công nghiệp, có thể phát triển các vùng cây công nghiệp tập trung ; nguồn lao động dồi dào ; đã có mạng lưới các cơ sở chế

biến nguyên liệu cây công nghiệp. Tuy nhiên, khó khăn là thị trường thế giới có nhiều biến động, sản phẩm cây công nghiệp của nước ta chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường khó tính.

Cây công nghiệp ở nước ta chủ yếu là cây công nghiệp nhiệt đới, ngoài ra còn có một số cây có nguồn gốc cận nhiệt. Tổng diện tích gieo trồng cây công nghiệp năm 2005 là khoảng 2,5 triệu ha, trong đó diện tích cây công nghiệp lâu năm là hơn 1,6 triệu ha (chiếm hơn 65%).

Tại sao các cây công nghiệp lâu năm lại đóng vai trò quan trọng nhất trong cơ cấu sản xuất cây công nghiệp ở nước ta ?

Các cây công nghiệp lâu năm chủ yếu là cà phê, cao su, hồ tiêu, điều, dừa, chè. Sự phát triển mạnh sản xuất các cây công nghiệp chủ lực đã đưa Việt Nam lên vị trí quốc gia hàng đầu trên thế giới về xuất khẩu cà phê, điều và hồ tiêu. Cà phê được trồng chủ yếu trên đất ba dan ở Tây Nguyên, ngoài ra còn trồng ở Đông Nam Bộ và rải rác ở Bắc Trung Bộ. Cà phê chè mới được trồng nhiều ở Tây Bắc. Cao su được trồng chủ yếu trên đất ba dan và đất xám bạc màu trên phù sa cổ ở Đông Nam Bộ, ngoài ra còn được trồng ở Tây Nguyên, một số tỉnh Duyên hải miền Trung. Hồ tiêu được trồng chủ yếu trên đất ba dan ở Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và Duyên hải miền Trung. Điều được trồng nhiều nhất ở Đông Nam Bộ. Dừa được trồng nhiều nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long. Chè được trồng nhiều ở Trung du và miền núi Bắc Bộ, ở Tây Nguyên (nhiều nhất là tỉnh Lâm Đồng).

Các cây công nghiệp hàng năm chủ yếu là mía, lạc, đậu tương, bông, đay, cói, dâu tằm, thuốc lá. Các vùng chuyên canh mía đường được phát triển ở Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ và Duyên hải miền Trung. Lạc được trồng nhiều trên các đồng bằng Thanh – Nghệ – Tĩnh, trên đất xám bạc màu ở Đông Nam Bộ và ở Đắk Lắk. Đậu tương được trồng nhiều ở Trung du và miền núi Bắc Bộ, những năm gần đây được phát triển mạnh ở Đắk Lắk, Đồng Tháp. Vùng trồng đay truyền thống là ở Đồng bằng sông Hồng, còn vùng trồng cói lớn nhất là ven biển Ninh Bình, Thanh Hoá.

Cây ăn quả được phát triển khá mạnh trong một số năm gần đây. Vùng cây ăn quả lớn nhất là Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ. Ở trung du Bắc Bộ thì đáng kể nhất là tỉnh Bắc Giang. Những cây ăn quả được trồng tập trung nhất là chuối, cam, xoài, nhãn, vải, chôm chôm và dứa.

2. Ngành chăn nuôi

Tỉ trọng của ngành chăn nuôi trong giá trị sản xuất nông nghiệp từng bước tăng khá vững chắc. Xu hướng nổi bật là ngành chăn nuôi đang tiến mạnh lên sản xuất hàng hoá, chăn nuôi trang trại theo hình thức công nghiệp. Các sản phẩm không qua giết thịt (trứng, sữa) chiếm tỉ trọng ngày càng cao trong giá trị sản xuất của ngành chăn nuôi.

Những điều kiện thúc đẩy chăn nuôi phát triển là : cơ sở thức ăn cho chăn nuôi được đảm bảo tốt hơn nhiều, từ hoa màu lương thực, đồng cỏ, phụ phẩm của ngành thủy sản, thức ăn chế biến công nghiệp ; các dịch vụ về giống, thú y đã có nhiều tiến bộ và phát triển rộng khắp.

Hãy phân tích các nguồn thức ăn cho chăn nuôi ở nước ta.

Tuy nhiên, giống gia súc, gia cầm cho năng suất cao vẫn còn ít, chất lượng chưa cao (nhất là cho yêu cầu xuất khẩu). Dịch bệnh hại gia súc, gia cầm vẫn đe dọa lan tràn trên diện rộng. Hiệu quả chăn nuôi chưa thật cao và chưa ổn định.

- a) *Lợn và gia cầm là hai nguồn cung cấp thịt chủ yếu.* Đàn lợn hơn 27 triệu con (năm 2005), cung cấp trên 3/4 sản lượng thịt các loại. Chăn nuôi gia cầm tăng mạnh, với tổng đàn trên 250 triệu con (năm 2003), nhưng do dịch bệnh nên năm 2005 tổng đàn gia cầm còn khoảng 220 triệu con. Chăn nuôi gà công nghiệp đã phát triển mạnh ở các tỉnh giáp các thành phố lớn (Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh) và ở các địa phương có các cơ sở công nghiệp chế biến thịt. Hiện nay, chăn nuôi lợn và gia cầm tập trung nhiều nhất ở Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.
- b) *Chăn nuôi gia súc ăn cỏ chủ yếu còn dựa vào các đồng cỏ tự nhiên.* Đàn trâu ổn định ở mức 2,9 triệu con, trong khi đàn bò từ chỗ chỉ bằng 2/3 đàn trâu (đầu thập kỉ 80 của thế kỉ XX) đến năm 2005 đã là 5,5 triệu con và có xu hướng tăng mạnh. Trâu được nuôi nhiều nhất ở Trung du và miền núi Bắc Bộ (hơn 1/2 đàn trâu cả nước) và Bắc Trung Bộ. Bò được nuôi nhiều ở Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Chăn nuôi bò sữa đang phát triển khá mạnh ở ven Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội... với tổng đàn khoảng 50 nghìn con. Chăn nuôi dê, cừu cũng tăng mạnh trong những năm gần đây (540 nghìn con, năm 2000 ; tăng lên 1314 nghìn con, năm 2005).

Câu hỏi và bài tập

1. Tại sao nói việc đảm bảo an toàn lương thực là cơ sở để đa dạng hoá nông nghiệp ?
2. Chứng minh rằng việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp và cây ăn quả góp phần phát huy thế mạnh của nông nghiệp nhiệt đới ở nước ta.
3. Cho bảng số liệu sau :

Sản lượng cà phê (nhân) và khối lượng cà phê xuất khẩu qua một số năm

(Đơn vị : nghìn tấn)

Năm	1980	1985	1990	1995	2000	2005
Sản lượng cà phê (nhân)	8,4	12,3	92	218	802,5	752,1
Khối lượng cà phê xuất khẩu	4,0	9,2	89,6	248,1	733,9	912,7

Hãy phân tích sự biến động của sản lượng cà phê (nhân) và khối lượng cà phê xuất khẩu ở nước ta, giai đoạn 1980 đến 2005.

4. Dựa vào bảng số liệu dưới đây :

Sản lượng thịt các loại

(Đơn vị : nghìn tấn)

Năm	Tổng số	Thịt trâu	Thịt bò	Thịt lợn	Thịt gia cầm
1996	1412,3	49,3	70,1	1080,0	212,9
2000	1853,2	48,4	93,8	1418,1	292,9
2005	2812,2	59,8	142,2	2288,3	321,9

Hãy phân tích sự phát triển của ngành chăn nuôi và sự thay đổi trong cơ cấu sản lượng thịt các loại qua các năm 1996, 2000 và 2005.